

Số: /TB-UBND

Đại Sơn, ngày tháng 03 năm 2026

## **THÔNG BÁO**

**Niêm yết công khai danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý đê điều và phòng chống thiên tai, thủy lợi, môi trường, đo đạc và bản đồ, biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

Căn cứ Văn bản số 2114/SNNMT-VP ngày 03/03/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Về việc công khai danh mục TTHC mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý đê điều và phòng chống thiên tai, thủy lợi, môi trường, đo đạc và bản đồ, biển và hải đảo thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn;

UBND xã Đại Sơn thực hiện niêm yết công khai: Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, theo Quyết định số 684/QĐ-UBND ngày 24/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng của Sở Nông nghiệp và Môi trường, theo Quyết định số 716/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.

*(Theo Quyết định công bố của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng; danh mục chi tiết kèm theo).*

Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công của UBND xã. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã có trách nhiệm hướng dẫn, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định.

Nội dung chi tiết được đăng tải tại Cổng thông tin điện tử của UBND xã Đại Sơn, địa chỉ: <https://daison.haiphong.gov.vn/>.

Ủy ban nhân dân xã Đại Sơn thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan biết và thực hiện./.

***Nơi nhận:***

- UBND thành phố (*để báo cáo*);
- Trung tâm Phục vụ HCC xã;
- Công TTĐT xã;
- Lưu: VT, VP.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Hoàng Thị Châu Hà**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo thông báo số: /QĐ-UBND ngày /03/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**  
**A1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>								
1	1.014847	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	22 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (viết tắt là Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025). - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi (viết tắt là Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026).

## A2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

### A2.1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH DÙNG CHUNG SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>								
1	1.010733	Thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định. - Thời hạn thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường: + Tối đa là 30	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Nộp trực tiếp: Theo biểu phí lĩnh vực môi trường kèm theo - Nộp trực tuyến: Phí "bằng 0 đồng" tính từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026		x	- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Nghị định số 08/2022/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm I quy định tại khoản 3 Điều 28 của Luật Bảo vệ môi trường;</p> <p>+ Tối đa là 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của các dự án đầu tư nhóm II quy định tại các điểm c, d, đ và e khoản 4 Điều 28 của Luật</p>						<p>ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (viết tắt là Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022).</p> <p>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (viết tắt là Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).</p> <p>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>Bảo vệ môi trường;</i></p> <p>+ Tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ đối với trường hợp thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường bằng hình thức lấy ý kiến.</p> <p>+ Thời hạn thẩm định quy định có thể được kéo dài theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.</p> <p>- Thời điểm thông báo kết quả: trong thời hạn thẩm định.</p> <p>Thời hạn phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường</p>						<p><i>của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 (viết tắt là Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026).</i></p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (viết tắt là Thông tư số 02/2022/TT-</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>trường: tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ. Thời gian chủ dự án đầu tư chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đánh giá tác động môi trường theo yêu cầu của Cơ quan thẩm định không tính vào thời hạn thẩm định.</i>						BTNMT ngày 10/01/2022). - Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (viết tắt là Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025). - Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025 (viết tắt là Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026). - Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									<p>HĐND thành phố Hải Phòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 10/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương.</li> </ul>
2	1.010735	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.	- Thời hạn kiểm tra, trả lời về tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ: không quy định.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Nộp trực tiếp: Theo biểu phí lĩnh vực môi trường kèm theo - Nộp trực tuyến: Phí "bằng 0"		x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.</li> <li>- Luật Bảo vệ môi trường số</li> </ul>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: tối đa 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Thời hạn phê duyệt hồ sơ: tối đa 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: tối đa 17,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> <li>- Thời hạn phê duyệt hồ sơ: tối đa 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.</li> </ul>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	đồng" tính từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026			<ul style="list-style-type: none"> <li>72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.</li> <li>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.</li> <li>- Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> </ul>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 10/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương.</li> </ul>
3	1.010727	Cấp giấy phép môi trường	- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối	- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	- Nộp trực tiếp: 10.000.000 đồng/dự án/cơ sở (mức phí chưa bao gồm chi phí lấy mẫu, phân tích mẫu chất thải, ĐTM) - Nộp trực tuyến: Phí "bằng 0 đồng" tính từ 01/7/2025 đến		x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025.</li> <li>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.</li> </ul>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>đã là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>- Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối</p>	<p>đã là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 (năm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</p> <p>- Đối với các trường hợp còn lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi</p>		hết ngày 31/12/2026			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.</li> <li>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.</li> <li>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.</li> <li>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.</li> <li>- Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.</li> <li>- Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> </ul>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			đã là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)	trường tối đa là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ)					<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 10/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương.</li> </ul>
4	1.010729	Cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	Tối đa 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	Tối đa 12,5 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Nộp trực tiếp: Theo biểu phí lĩnh vực môi trường kèm theo - Nộp trực tuyến: Phí "bằng 0	x		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của</li> </ul>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
					- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	đồng" tính từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026			<p>15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.</p> <p>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.</p> <p>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.</p> <p>- Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									<p>HĐND thành phố Hải Phòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 10/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương.</li> </ul>
5	1.010730	Cấp lại giấy phép môi trường	- Đối với trường hợp Dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	- Nộp trực tiếp: 10.000.000 đồng/dự án/cơ sở (mức phí chưa bao gồm chi phí lấy mẫu,		x	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;</li> <li>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của</li> </ul>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>nghiệm công trình xử lý chất thải: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 15 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</i></p> <p><i>- Đối với các trường hợp còn</i></p>		<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	<p>phân tích mẫu chất thải, ĐTM) - Nộp trực tuyến: Phí "bằng 0 đồng" tính từ 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026</p>			<p><i>15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường ngày 11 tháng 12 năm 2025.</i></p> <p>- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022.</p> <p>- Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.</p> <p>- Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.</p> <p>- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022.</p> <p>- Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025.</p> <p>- Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026.</p> <p>- Nghị quyết số 45/2018/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>lại: Thời gian giải quyết thủ tục hành chính cấp giấy phép môi trường tối đa là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ (trong đó thời hạn thẩm định hồ sơ, trả kết quả sau khi nhận được hồ sơ chỉnh sửa, bổ sung theo yêu cầu của cơ quan cấp giấy phép môi trường tối đa là 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ).</i></p>						<p>HĐND thành phố Hải Phòng.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 17/6/2025 của HĐND thành phố Hải Phòng.</li> <li>- Nghị quyết số 07/2025/NQ-HĐND ngày 10/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương;</li> <li>- Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của HĐND tỉnh Hải Dương.</li> </ul>

**A2.2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÈ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI</b>								
1	1.008408	Phê duyệt việc tiếp nhận viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh	03 ngày kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ hợp lệ	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020 của Chính phủ quy định về tiếp nhận, quản lý và sử dụng viện trợ quốc tế khẩn cấp để cứu trợ và khắc phục hậu quả thiên tai (viết tắt là Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020). - Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									<i>Nghị định trong lĩnh vực đê điều và phòng, chống thiên tai (viết tắt là Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026).</i>
2	1.013644	Cấp phép đối với các hoạt động liên quan đến đê điều thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân tỉnh	Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	Trong thời hạn không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Đê điều năm 2006. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật Đê điều ngày 17 tháng 6 năm 2020.
<b>II</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>								
1	1.004427	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu,	<i>15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	<i>12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh			công cấp xã				- Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
2	2.001796	Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
3	2.001426	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã				ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
4	2.001795	Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
5	1.003870	Cấp gia hạn,	07 ngày làm việc, kể từ ngày	4,5 ngày làm việc, kể từ ngày	- Trung tâm Phục vụ	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		<i>điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh</i>	<i>nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	<i>nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã				08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
6	1.003893	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không đề xuất cắt giảm	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		chức thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh							
7	2.001793	<i>Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh</i>	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	3,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
8	1.004385	Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm	<i>07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	<i>4,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh			hành chính công cấp xã				ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
9	2.001791	Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
10	1.003880	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch,	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	4,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		thê thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh							ngày 25/01/2026.
11	2.001401	Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	2,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
12	1.003867	<i>Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt</i>	<i>20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	<i>14,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi (viết tắt là Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026).
13	2.001804	<i>Phê duyệt phương án, cấm mốc chỉ giới phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch</i>	<i>18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	<i>14,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		<i>UBND cấp tỉnh phê duyệt</i>			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã				<i>ngày 11/12/2025. - Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026.</i>
14	1.003232	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	14,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018 của Chính phủ về quản lý an toàn đập, hồ chứa nước (viết tắt là Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018).
15	1.003221	Thẩm định, phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc	15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		thẩm quyền của UBND cấp tỉnh			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã				CP ngày 04/9/2018.
16	1.003211	<i>Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh</i>	<i>20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	<i>10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.
17	1.003203	<i>Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh</i>	<i>20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	<i>10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.
<b>III</b>	<b>LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ</b>								

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1	1.000049	Cấp, gia hạn, cấp lại, cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II	<p>- Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>- Về gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p>	<p>- Về cấp chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p> <p>- Về gia hạn/cấp lại/cấp đổi chứng chỉ hành nghề đo đạc và bản đồ hạng II: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ.</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	Không quy định		x	<p>- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ (viết tắt là Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019).</p> <p>- Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									<p>31/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ (viết tắt là Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021).</p> <p>- Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									<p>và môi trường (viết tắt là Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023).</p> <p>- Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đo đạc và bản đồ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 136/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính</p>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									<i>phủ và Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chính phủ (viết tắt là Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026).</i>
2	1.011671	Cung cấp thông tin, dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ	Ngay trong ngày làm việc hoặc theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Biểu phí đính kèm theo lĩnh vực đo đạc và bản đồ	x		- Luật Đo đạc và bản đồ số 27/2018/QH14 ngày 14/6/2018. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025. - Nghị định số 27/2019/NĐ-CP ngày 13/3/2019. - Nghị định số 136/2021/NĐ-

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									CP ngày 31/12/2021. - Nghị định số 22/2023/NĐ-CP ngày 12/5/2023. - Nghị định số 39/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.

### A3. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THAY THẾ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
I	LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐỀ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI									

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
1	1.008409	Phê duyệt Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	- Trường hợp cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: thời gian các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản.	- Trường hợp cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: thời gian các cơ quan liên quan có văn bản trả lời tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan chủ quản.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Nghị định số 50/2020/NĐ-CP ngày 20/4/2020. - Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026.
	1.008410	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ	Điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai không thuộc thẩm quyền quyết định chủ trương tiếp nhận của Thủ tướng Chính phủ (1.014846)	- Trường hợp cơ quan chủ quản lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: Thủ trưởng cơ quan chủ quản xem xét, quyết định việc phê						

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
				Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
				liên quan: Thủ trưởng cơ quan chủ quản xem xét, quyết định việc phê duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai	duyệt Văn kiện, điều chỉnh Văn kiện viện trợ quốc tế khẩn cấp để khắc phục hậu quả thiên tai					

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**  
**B1. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>								
1	1.014848	Phê duyệt phương án bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.

**B2. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC QUẢN LÝ ĐÊ ĐIỀU VÀ PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI</b>								
1	1.010091	Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ	- Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định	x		- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		lực lượng xung kích phòng chống thiên tai tại cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	<i>sơ đầy đủ, hợp lệ</i>	<i>sơ đầy đủ, hợp lệ</i>	chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã				của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai và Luật đề điều (viết tắt là Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021). - <i>Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026.</i>
2	1.010092	Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia	<i>13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ</i>	<i>6,5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06/7/2021. - <i>Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05/02/2026.</i>

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		bảo hiểm xã hội							
<b>II</b>									
<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>									
1	1.014849	<i>Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngâm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>	13 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
2	1.014850	<i>Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao, nghiên</i>	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		<i>cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>			chính công cấp xã				- Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
3	1.014851	<i>Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngâm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
4	1.014852	<i>Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
5	1.014853	<i>Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
6	1.014854	<i>Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp tên chủ giấy phép đã được cấp bị thay đổi do chuyển nhượng, sáp nhập, chia tách, cơ cấu lại tổ chức do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
7	1.014859	<i>Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi</i>	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		<i>bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>							
8	1.014860	<i>Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
9	1.014862	<i>Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>	08 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
10	1.014863	<i>Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>	05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.
11	1.014864	<i>Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện</i>	02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	Không cắt giảm thời gian	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		<i>thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã</i>							
12	2.001627	<i>Thẩm định quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã phê duyệt</i>	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Thông tư số 08/2026/TT-BNNMT ngày 26/01/2026.
13	1.003446	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017.

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã			- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã				- Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.
14	1.003440	Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.
15	2.001621	Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp	07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018 của Chính phủ quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (viết tắt là Nghị định số

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
		pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)							77/2018/NĐ-CP ngày 16/5/2018).
16	1.003347	Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.
17	1.003471	Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định	x		- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017. - Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Nghị định số 114/2018/NĐ-CP ngày 04/9/2018.

**BIỂU MỨC THU PHÍ KHAI THÁC, SỬ DỤNG THÔNG TIN DỮ LIỆU LĨNH VỰC ĐO ĐẠC VÀ BẢN ĐỒ**

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Số liệu của mạng lưới đo đạc quốc gia</b>			
1	Số liệu của mạng lưới tọa độ quốc gia			
1.1	Cấp 0	điểm	340.000	
1.2	Hạng I	điểm	250.000	
1.3	Hạng II	điểm	220.000	
1.4	Hạng III	điểm	200.000	Áp dụng cho cả các điểm địa chính cơ sở
2	Số liệu của mạng lưới độ cao quốc gia			
2.1	Hạng I	điểm	160.000	
2.2	Hạng II	điểm	150.000	
2.3	Hạng III	điểm	120.000	
3	Số liệu của mạng lưới trọng lực quốc gia			
3.1	Điểm cơ sở	điểm	200.000	
3.2	Hạng I	điểm	160.000	
3.3	Hạng II	điểm	140.000	
4	Ghi chú điểm tọa độ quốc gia, độ cao quốc gia, trọng lực quốc gia	tờ	20.000	
<b>II</b>	<b>Dữ liệu ảnh hàng không</b>			
1	Dữ liệu ảnh hàng không kỹ thuật số	file	250.000	
2	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 16 µm	file	250.000	
3	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 20 µm	file	200.000	
4	Dữ liệu ảnh hàng không quét từ tờ phim độ phân giải 22 µm	file	150.000	
5	Bình đồ ảnh số tỷ lệ: 1:2.000; 1:5.000	mảnh	60.000	
6	Bình đồ ảnh số tỷ lệ: 1:10.000; 1:25.000; 1:50.000	mảnh	70.000	
<b>III</b>	<b>Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia và hệ thống bản đồ địa hình quốc gia</b>			
1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia			

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
1.1	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	<p>1. Nếu chọn lọc nội dung theo dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau:</p> <p>a) Các nhóm lớp dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu phí nhân với hệ số 1,2.</p> <p>b) Các nhóm lớp dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; lớp phủ bề mặt: thu bằng 1/6 mức thu phí.</p> <p>2. Nếu đã thu phí sử dụng cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia thì không thu phí sử dụng bản đồ địa hình quốc gia định dạng số cùng tỷ lệ (chỉ áp dụng trong trường hợp khai thác theo mảnh và đủ 07 nhóm lớp dữ liệu).</p> <p>3. Trường hợp khai thác dữ liệu theo phạm vi địa lý thì thu bằng mức thu phí nhân với diện tích khu vực khai thác chia tổng diện tích các mảnh theo tỷ lệ tương ứng. (diện tích tối thiểu đề nghị khai thác bằng diện tích 01 mảnh bản đồ cùng tỷ lệ).</p>
1.2	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	500.000	
1.3	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	850.000	
1.4	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000	mảnh	1.500.000	
1.5	Cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	
2	Hệ thống bản đồ địa hình quốc gia			
2.1	Bản đồ địa hình quốc gia in trên giấy			
a	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000 và lớn hơn	mảnh	120.000	
b	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	mảnh	130.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
c	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	mảnh	140.000	
d	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000 và nhỏ hơn	mảnh	170.000	
2.2	Bản đồ địa hình quốc gia định dạng dgn			
a	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:2.000	mảnh	400.000	<p>Nếu chọn lọc nội dung theo lớp dữ liệu thành phần thì mức thu phí như sau:</p> <p>1. Nhóm lớp dữ liệu: địa hình; dân cư; giao thông; thủy văn: thu bằng 1/6 mức thu phí theo mảnh nhân với hệ số 1,2.</p> <p>2. Nhóm lớp dữ liệu: địa giới hành chính, biên giới quốc gia; thực vật: thu bằng 1/6 mức thu phí theo mảnh.</p>
b	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:5.000	mảnh	440.000	
c	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:10.000	mảnh	670.000	
d	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000	mảnh	760.000	
đ	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:50.000	mảnh	950.000	
e	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:100.000	mảnh	2.000.000	
g	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:250.000	mảnh	3.500.000	
h	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:500.000	mảnh	5.000.000	
i	Bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:1.000.000	mảnh	8.000.000	
2.3	Bản đồ địa hình quốc gia định dạng số (geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG)	mảnh	Mức thu phí bằng 50% bản đồ địa hình quốc gia định dạng dgn cùng tỷ lệ	
3	Mô hình số độ cao			
3.1	Mô hình số độ cao độ chính xác cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:2.000; 1:5.000: kích thước pixel: 1 x 1 m cho DEM có độ chính xác từ 0,1 đến 0,3 m.	mảnh	200.000	
3.2	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:2.000; 1:5.000: - Kích thước pixel: 2 x 2 m cho DEM có độ chính xác từ 0,4 đến 0,5 m - Kích thước pixel: 4 x 4 m cho DEM có độ chính xác 1 m	mảnh	80.000	
3.3	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:10.000: - Kích thước pixel: 2,5 x 2,5 m cho DEM có độ chính xác từ 0,3 đến 0,5 m	mảnh	170.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
	- Kích thước pixel: 5 x 5 m cho DEM có độ chính xác từ 0,5 đến 1,7 m			
3.4	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:25.000: Kích thước pixel: 10 x 10 m cho DEM có độ chính xác từ 1,7 đến 3,3 m	mảnh	640.000	
3.5	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:25.000: Kích thước pixel: 20 x 20 m cho DEM có độ chính xác từ 3,3 đến 6,7 m	mảnh	75.000	
3.6	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:50.000: - Kích thước pixel: 5 x 5 m cho DEM có độ chính xác từ 0,5 đến 1,0 m - Kích thước pixel: 10 x 10 m cho DEM có độ chính xác từ 1 đến 2 m	mảnh	2.550.000	
3.7	Mô hình số độ cao đóng gói theo mảnh tỷ lệ 1:50.000: - Kích thước pixel: 25 x 25 m cho DEM có độ chính xác từ 2 đến 5 m - Kích thước pixel: 30 x 30 m cho DEM có độ chính xác từ 5 m trở lên	mảnh	300.000	
<b>IV</b>	<b>Bản đồ hành chính định dạng số</b>			
1	Bản đồ hành chính định dạng dgn, gdb			
1.1	Bản đồ hành chính Việt Nam	bộ	4.000.000	
1.2	Bản đồ hành chính cấp tỉnh	bộ	2.000.000	
1.3	Bản đồ hành chính cấp huyện	bộ	1.000.000	
2	Bản đồ hành chính định dạng geoPDF, PDF, geoTIFF, TIFF, EPS, ECW, JPG	Mức thu phí bằng 50% bản đồ hành chính định dạng dgn, gdb cùng tỷ lệ		
<b>V</b>	<b>Thông tin dữ liệu đo đạc và bản đồ trực tuyến qua môi trường mạng (định dạng WMS)</b>			
1	Bản đồ hành chính Việt Nam	01 năm/ tài khoản	100.000	

Số TT	Loại thông tin, dữ liệu	Đơn vị tính	Mức thu (đồng)	Ghi chú
2	Bản đồ nền chiết xuất từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:250.000; 1:500.000; 1:1.000.000	01 năm/ tài khoản	2.400.000	
3	Bản đồ nền chiết xuất từ cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia tỷ lệ: 1:25.000; 1:50.000; 1:100.000	01 năm/ tài khoản	6.600.000	Gồm các dữ liệu: biên giới, địa giới; dân cư; giao thông; thủy văn.
<b>VI</b>	<b>Thông tin dữ liệu thu nhận từ mạng lưới trạm định vị vệ tinh quốc gia</b>			
1	Dữ liệu đo động thời gian thực	01 tháng/ máy thu	750.000	Áp dụng tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đã chêm dày trạm định vị vệ tinh quốc gia theo quy định của pháp luật về đo đạc và bản đồ.
		06 tháng/ máy thu	4.280.000	
		12 tháng/ máy thu	6.750.000	
2	Dữ liệu GNSS tính 24 giờ	trạm/ngày	220.000	Gồm: Giá trị tọa độ, độ cao của trạm.

## BIỂU PHÍ LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG

### A. PHÍ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

#### Đối với khu vực phía Đông thành phố

Mức phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường lần đầu được xác định theo mức đầu tư dự án, cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
Nhóm 1. Dự án công trình dân dụng	7	10	13	19	25,0
Nhóm 2. Dự án hạ tầng kỹ thuật (trừ dự án giao thông)	7,5	10,5	13,5	19,5	25,0
Nhóm 3. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	8	11	14	19,5	25,0
Nhóm 4. Dự án Giao thông	8	11	14	20	26,0
Nhóm 5. Dự án Công nghiệp	8	11	14,5	21	27,0
Nhóm 6. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường và các Dự án khác (không thuộc nhóm 1,2,3,4 và 5)	5,0	7	9,0	13,0	17

(Ghi chú: chi tiết tại Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng)

#### Đối với khu vực phía Tây thành phố

Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường như sau:

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu
6.1	<b><u>Nhóm 1: Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường</u></b>		
a	Vốn đầu tư ≤50 tỷ đồng	đ/báo cáo	5.000.000
b	Vốn đầu tư >50 tỷ đồng nhưng ≤100 tỷ đồng	đ/báo cáo	6.500.000
c	Vốn đầu tư >100 tỷ đồng	đ/báo cáo	8.500.000
6.2	<b><u>Nhóm 2: Dự án công trình dân dụng</u></b>		
a	Vốn đầu tư ≤50 tỷ đồng	đ/báo cáo	6.900.000

b	Vốn đầu tư >50 tỷ đồng nhưng ≤100 tỷ đồng	đ/báo cáo	8.500.000
c	Vốn đầu tư >100 tỷ đồng	đ/báo cáo	12.000.000
6.3	<b><u>Nhóm 3: Dự án hạ tầng kỹ thuật; Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản</u></b>		
a	Vốn đầu tư ≤50 tỷ đồng	đ/báo cáo	7.000.000
b	Vốn đầu tư >50 tỷ đồng nhưng ≤100 tỷ đồng	đ/báo cáo	9.000.000
c	Vốn đầu tư >100 tỷ đồng	đ/báo cáo	12.000.000
6.4	<b><u>Nhóm 4: Dự án giao thông; Dự án công nghiệp</u></b>		
a	Vốn đầu tư ≤50 tỷ đồng	đ/báo cáo	8.000.000
b	Vốn đầu tư >50 tỷ đồng nhưng ≤100 tỷ đồng	đ/báo cáo	10.000.000
c	Vốn đầu tư >100 tỷ đồng	đ/báo cáo	13.000.000
6.5	<b>Trường hợp thẩm định lại mức thu bằng 50% mức thu phí thẩm định lần đầu</b>		

(Ghi chú: chi tiết tại Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân)

## B. PHÍ THẨM ĐỊNH PHƯƠNG ÁN CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

### Đối với khu vực phía Đông thành phố

Mức thu phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường được xác định theo mức đầu tư dự án, cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tổng vốn đầu tư dự án (tỷ đồng)	Mức phí thẩm định	
		Trường hợp 1	Trường hợp 2
1	Đến 10	6	4
2	Trên 10 đến 20	9	6
3	Trên 20 đến 50	15	10
4	Trên 50 đến 100	27	18
5	Trên 100	30	20

Ghi chú:

Trường hợp 1: Áp dụng đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường không cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

Trường hợp 2: Áp dụng đối với phương án cải tạo, phục hồi môi trường và báo cáo đánh giá tác động môi trường cùng một cơ quan thẩm quyền phê duyệt.

(Ghi chú: chi tiết tại Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng; Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 19/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 45/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về việc quy định một số loại phí, lệ phí trên địa bàn thành phố Hải Phòng)

### Đối với khu vực phía Tây thành phố

Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường như sau:

TT	Danh mục	Đơn vị tính	Mức thu
8.1	Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường	đ/phương án	10.000.000

(Ghi chú: chi tiết tại Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân)

**C. PHÍ THẨM ĐỊNH CẤP, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG****Đối với khu vực phía Đông thành phố**

<b>TT</b>	<b>Nội dung thu</b>	<b>Mức phí (Đồng/dự án/cơ sở)</b>
7.1	Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân thành phố:	
	Phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường	10.000.000
	Phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường	2.000.000

(Ghi chú: Chi tiết tại Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường trên địa bàn thành phố Hải Phòng)

**Đối với khu vực phía Tây thành phố**

<b>TT</b>	<b>Danh mục</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Mức thu</b>
7.1	Giấy phép môi trường thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh cấp:		
a	Đối với dự án/cơ sở thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	đ/dự án, cơ sở	9.000.000
b	Đối với dự án/cơ sở không thuộc đối tượng phải lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	đ/dự án, cơ sở	10.000.000
7.2	Phí thẩm định cấp điều chỉnh giấy phép môi trường: Bằng 50% phí thẩm định cấp, cấp lại giấy phép môi trường	Lần	
	Mức thu phí nên trên tính theo lần thẩm định cấp/cấp lại/điều chỉnh giấy phép môi trường. Mức phí không bao gồm chi phí lấy mẫu chất thải theo quy định		

(Ghi chú: chi tiết tại Nghị quyết số 08/2025/NQ-HĐND ngày 26/6/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương quy định thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân)

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)

**I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
<b>I</b>			
<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>			
1	1.003921	Cấp lại giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi trong trường hợp bị mất, bị rách, hư hỏng thuộc thẩm quyền cấp phép của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Khoản 2; điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
2	1.003188	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp tỉnh	- Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017 và Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025. - Điểm c khoản 3 Điều 33 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.
<b>II</b>			
<b>LĨNH VỰC MÔI TRƯỜNG</b>			
1	1.010728	Cấp đổi giấy phép môi trường	- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025.

**II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính</b>
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC THỦY LỢI</b>		
1	1.013768	Phê duyệt phương án bảo vệ đập, hồ chứa nước trên địa bàn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp	Điểm b, khoản 3 Điều 33 Nghị định số 40/2026/NĐ-CP ngày 25/01/2026 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thủy lợi.

**Phụ lục**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG**  
**THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**  
*(Kèm theo Quyết định số 716 /QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
<b>I</b>	<b>LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐÀO</b>								
1	1.005401	Giao khu vực biển (cấp tỉnh)	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Không quá 40 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. - Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: + Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.	- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Không quá 32 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. - Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: + Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (viết tắt là Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021). - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2016/NĐ-CP

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.	+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ, người có thẩm quyền xem xét, ra quyết định giao khu vực biển.					ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo và Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ quy định việc giao các khu vực biển nhất định cho tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng tài nguyên biển (viết tắt là Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025. - Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực biển và hải đảo (viết tắt là Nghị định số

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
									44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.
2	1.004935	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển (cấp tỉnh)	<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời hạn không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan</p>	<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời hạn không quá 12,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 14 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. + Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	Không quy định		x	<p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá nhân</i></p>	<p><i>thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ. Thời gian tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản đề nghị; quá thời hạn này mà cơ quan thẩm định hồ sơ không nhận được văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình của tổ chức, cá nhân</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.</i></p> <p><i>+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định</i></p>	<p><i>thì cơ quan thẩm định hồ sơ gửi thông tin đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ để thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ, cơ quan thẩm định hồ sơ có trách nhiệm trình hồ sơ cho người có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.</i></p> <p><i>+ Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cơ quan thẩm định</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>trình hồ sơ, người có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển xem xét, quyết định gia hạn.</i></p> <p><i>+ Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</i></p>	<p><i>trình hồ sơ, người có thẩm quyền cho phép gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển xem xét, quyết định gia hạn.</i></p> <p><i>+ Trường hợp người có thẩm quyền quyết định không gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</i></p>					
3	1.005399	Trả lại khu vực biển (cấp tỉnh)	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung</p>	- Trung tâm Phục vụ hành chính	Không quy định		x	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành</p>	<p>tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP);</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành</p>	<p>công thành phố</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</p>			<p>- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.</p>	

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời</p>	<p>chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Thời</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>gian xin ý kiến các cơ quan có liên quan không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</i></p> <p><i>+ Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình</i></p>	<p><i>gian xin ý kiến các cơ quan có liên quan không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản có ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</i></p> <p><i>+ Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: + Thời hạn trình hồ sơ: không quá một (01) ngày làm việc,</p>	<p>đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: + Thời hạn trình hồ sơ: không quá một (01) ngày làm việc,</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.</p>	<p>kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.</p>					
4	1.005400	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển (cấp tỉnh)	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ.</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ:</p> <p>+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ.</p>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục	Không quy định		x	<p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021.</p> <p>- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;</i></p> <p><i>+ Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</i></p>	<p><i>Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;</i></p> <p><i>+ Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</i></p>	vụ hành chính công cấp xã				

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Không quá 25 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian kiểm</i></p>	<p><i>Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan, tổ chức kiểm tra thực địa. Thời gian kiểm</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không</p>	<p>quá 03 ngày làm việc. Trong thời hạn không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ Thời hạn trình hồ sơ:</p> <p>+ Không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p>	<p>quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ Thời hạn trình hồ sơ:</p> <p>+ Không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03)</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ. + Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.	ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ. + Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền giao khu vực biển.					
5	1.009481	Công nhận khu vực biển cấp tỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: + Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: + Trong thời hạn 01 ngày làm việc, Trung tâm Phục vụ hành chính công kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ. Trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, trong thời hạn không quá 01	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính	Không quy định		x	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp</p>	<p>ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ được lập theo Mẫu số 10 của Nghị định số 65/2025/NĐ-CP;</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Trung tâm Phục vụ hành chính công có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. Trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận lại hồ sơ theo đúng quy định, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp</p>	<p>công cấp xã</p>				

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Không quá 12 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến và đầy đủ hồ sơ. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</i></p>	<p><i>tỉnh ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ theo Mẫu số 10 được quy định tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP).</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Không quá 08 ngày kể từ ngày ra văn bản tiếp nhận hồ sơ hợp lệ. Thời gian các bộ, ngành và các cơ quan có liên quan trả lời bằng văn bản không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến và đầy đủ hồ sơ. Thời gian kiểm tra thực địa không quá 03 ngày làm việc. Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			+ Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức,	+ Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định công nhận khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức,					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</i></p> <p><i>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá hai (02) ngày làm việc, kể từ</i></p>	<p><i>nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá một (01) ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</i></p> <p><i>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá ba (03) ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ: không quá</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển</i>	<i>hai (02) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả giải quyết hồ sơ từ cơ quan quản lý nhà nước hoặc cấp có thẩm quyền công nhận khu vực biển bằng Quyết định giao khu vực biển</i>					
6	1.005189	Cấp giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	+ Thời hạn kiểm tra hồ sơ + Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá	+ Thời hạn kiểm tra hồ sơ + Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ; Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Biểu phí kèm theo		x	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (viết tắt là Nghị định số

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</i></p> <p><i>+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</i></p> <p><i>+ Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ. Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.</i></p> <p><i>+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung</i></p>	<p><i>cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</i></p> <p><i>+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</i></p> <p><i>+ Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 32 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ. Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ. Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.</i></p> <p><i>+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung</i></p>					<p>40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016).</p> <p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021.</p> <p>- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.</p> <p>- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.</p> <p>- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép nhận chìm ở biển (viết tắt là Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024).</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.</i></p> <p><i>+ Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.</i></p> <p><i>+ Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i></p>	<p><i>thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.</i></p> <p><i>+ Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ:</i></p> <p><i>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.</i></p> <p><i>+ Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
7	2.000472	Gia hạn Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ</p> <p>+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</p>	<p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ</p> <p>+ Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</p> <p>+ Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</p>	Biểu phí kèm theo		x	<p>- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.</p> <p>- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15.</p> <p>- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.</p> <p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021.</p> <p>- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.</p> <p>- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.</p> <p>- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>+ Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.</p> <p>+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung</p>	<p>thông tin: không quá 26 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.</p> <p>+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. - Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ + Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ. + Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND cấp tỉnh</i>	<i>cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. - Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ + Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ. + Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND cấp tỉnh</i>					
8	1.000969	Sửa đổi, bổ sung Giấy phép nhận chìm ở biển (cấp tỉnh)	<i>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ + Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp</i>	<i>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ + Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp</i>	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	<i>Biểu phí kèm theo</i>		x	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</i></p> <p><i>+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</i></p> <p><i>+ Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.</i></p> <p><i>(i) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh</i></p>	<p><i>hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</i></p> <p><i>+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</i></p> <p><i>+ Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 18,5 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.</i></p> <p><i>(i) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan:</i></p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</p>				<p>môi trường số 146/2025/QH15.</p> <p>- Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016.</p> <p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021.</p> <p>- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.</p> <p>- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.</p> <p>- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.</i></p> <p><i>(ii) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.</i></p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ</p>	<p><i>không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.</i></p> <p><i>(ii) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.</i></p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ. + Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND cấp tỉnh	ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ. + Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND cấp tỉnh					
9	1.000942	Trả lại giấy phép nhận chìm (cấp tỉnh)	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ + Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ + Trong thời hạn 01 ngày làm việc, TTHCC kiểm tra thành phần, nội dung của hồ sơ, trường hợp hồ sơ theo đúng quy định, TTHCC ban hành văn bản tiếp nhận và hẹn giải quyết hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đúng quy định, trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Không quy định		x	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016. - Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>sơ, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</p> <p>+ Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.</p> <p>(i) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.</p>	<p>sơ, TTHCC có trách nhiệm hướng dẫn một lần bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân để bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.</p> <p>+ Sau khi tiếp nhận hồ sơ theo quy định, TTHCC chuyển ngay cho Sở Nông nghiệp và Môi trường.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</p> <p>+ Thời gian thẩm định hồ sơ đầy đủ thông tin: không quá 26 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.</p> <p>(i) Thời gian lấy ý kiến các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh các cơ quan có liên quan: không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản lấy ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ.</p>					<p>- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.</p> <p>- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.</p> <p>- Thông tư số 08/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>(ii) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.</p>	<p>(ii) Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thông tin: tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ, thời hạn không quá 15 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến; tổ chức kiểm tra thực địa; tổ chức, cá nhân cung cấp bổ sung thông tin, giải trình những nội dung cần làm rõ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn trình, phê duyệt hồ sơ</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			+ Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.	+ Thời hạn xem xét, ra quyết định: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.					
10	3.000435	Cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Thời hạn lấy ý kiến: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Thời hạn lấy ý kiến: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi văn bản kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép đến Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao, Bộ Công an, Bộ Khoa học và Công nghệ và các bộ quản lý ngành, lĩnh vực và các cơ quan	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Biểu phí kèm theo	x	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết việc cấp phép cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (viết tắt là Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016).	

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.</p> <p>- Thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: chậm nhất trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải quyết định về việc cấp phép</p>	<p>có liên quan để lấy ý kiến về việc cấp phép nghiên cứu khoa học.</p> <p>- Thời hạn trả lời của các cơ quan được lấy ý kiến: trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p> <p>- Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: chậm nhất trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải quyết định về</p>					<p>- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ về quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường (viết tắt là Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025).</p> <p>- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.</p> <p>- Thông tư số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép hoặc văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam (viết tắt là Thông tư số</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p> nghiên cứu khoa học.</p> <p><i>Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp phép, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Ủy ban</i></p>	<p>việc cấp phép nghiên cứu khoa học.</p> <p><i>Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để cấp phép, cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 20 ngày kể từ ngày cơ quan giải quyết hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 20 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, Ủy ban nhân</i></p>					07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024).

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>nhân dân cấp tỉnh đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</i></p> <p><i>Trường hợp hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 41/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016, thời hạn 120 ngày được tính</i></p>	<p><i>dân cấp tỉnh đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</i></p> <p><i>Trường hợp hoạt động nghiên cứu khoa học của tổ chức, cá nhân nước ngoài có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển; nghiên cứu khoa học trong biển thuộc quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh trong trường hợp có yêu cầu hợp tác của phía Việt Nam theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 41/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016, thời hạn 120 ngày được tính</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.</i>	<i>từ ngày cơ quan tiếp nhận hồ sơ nhận được văn bản hợp tác nghiên cứu khoa học bổ sung vào hồ sơ hoặc nhận được hồ sơ đã điều chỉnh nội dung nghiên cứu khoa học không có khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển.</i>					
11	3.000436	Sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học trong vùng biển quản lý hành chính trên biển của cấp tỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Biểu phí kèm theo		x	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.</p> <p>- Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.</p> <p>- Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa</p>	<p>ngoài về việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.</p> <p>- Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.</p> <p>- Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên</p>					<p>- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.</p> <p>- Thông tư số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học</i>	<i>cứu khoa học; ban hành quyết định sửa đổi, bổ sung quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý sửa đổi, bổ sung, gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học</i>					
12	3.000437	Gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học cấp tỉnh	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về	- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về việc tiếp nhận hồ sơ trong trường hợp hồ sơ đầy đủ theo đúng quy định hoặc có văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân nước ngoài về	- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã	Biểu phí kèm theo		x	- Luật tài nguyên, môi trường biển và hải đảo. - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường số 146/2025/QH15. - Nghị định số 41/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016. - Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.</p> <p>- Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.</p> <p>- Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết định gia</p>	<p>việc bổ sung, hoàn thiện hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo đúng quy định.</p> <p>- Thời hạn tiến hành thẩm định: trong thời hạn 50 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ đề nghị gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải hoàn thành việc tổ chức thẩm định.</p> <p>- Thời hạn giải quyết hồ sơ: trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định về việc đồng ý hoặc không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học; ban hành quyết</p>					<p>- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.</p> <p>- Thông tư số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Cơ sở pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.</i>	<i>định gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học hoặc ban hành văn bản thông báo trong trường hợp không đồng ý gia hạn quyết định cấp phép nghiên cứu khoa học.</i>					

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ**

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
<b>I LĨNH VỰC BIÊN VÀ HẢI ĐẢO</b>									
1	3.000439	Giao khu vực biên cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 30 ngày kể từ	- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: + Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 15 ngày kể từ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		x	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025. - Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.</p> <p>+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 3 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a</p>	<p>ngày nhận được đầy đủ hồ sơ.</p> <p>+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 3 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền giao khu vực biển.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</i></p> <p><i>Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ</i></p>	<p><i>định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</i></p> <p><i>Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ văn bản nêu rõ lý do,</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến cá nhân Việt Nam. Cá nhân Việt Nam gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu cá nhân Việt Nam không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải</i>	<i>nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến cá nhân Việt Nam. Cá nhân Việt Nam gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 15 ngày, nếu cá nhân Việt Nam không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính</i>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, ra quyết định giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ; trường hợp không giao khu vực biển thì cơ quan thẩm định hồ sơ trả</p>	<p>lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền giao khu vực biển.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, ra quyết định giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ; trường hợp không giao khu vực biển thì cơ quan thẩm định hồ sơ trả</p> <p>Phục vụ hành chính</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</i>	<i>công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</i>					
2	3.000440	Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		x	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025. - Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</p> <p>+ Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà</p>	<p>về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</p> <p>+ Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 14 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà</p>					- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.</i></p> <p>+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy</p>	<p><i>không nhận được văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.</i></p> <p>+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp đề nghị gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển để nuôi trồng thủy sản, cơ quan quản lý nhà nước về thủy sản có ý kiến về phương án hoặc dự án nuôi trồng thủy sản trên</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>sản trên biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông</p>	<p>biển theo đề nghị của cơ quan thẩm định hồ sơ hoặc cơ quan có thẩm quyền gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 2 Nghị định số 65/2025/NĐ-CP, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</i></p> <p><i>Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ</i></p>	<p><i>hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</i></p> <p><i>Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ</i></p> <p><i>gửi văn bản (thời</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền</p>	<p>gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>gia hạn thời hạn sử dụng khu vực biển.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ.</p>	<p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ.</p>					
3	3.000441	Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	<p>- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục</p>	<p>- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố</p>	Không quy định		x	<p>- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021.</p> <p>- Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025.</p> <p>- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.</p> <p>- Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.</p>

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</i></p> <p><i>+ Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định.</i></p> <p><i>+ Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được</i></p>	<p><i>hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Công Dịch vụ công quốc gia.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</i></p> <p><i>+ Thời gian thẩm định hồ sơ: không quá 20 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định.</i></p> <p><i>+ Thời gian lấy ý kiến các cơ quan có liên quan: không quá 08 ngày kể từ ngày nhận được văn bản kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm phải trả lời bằng văn bản. Trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>văn bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản</p>	<p>bản trả lời, người có thẩm quyền xem xét, quyết định việc cho phép trả lại khu vực biển; cơ quan được lấy ý kiến chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan thuộc phạm vi quản lý.</p> <p>+ Thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ</p>	<p>tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.</p>	<p>gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được trả lại khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền cho phép trả lại khu vực biển.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ + Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ. + Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ	+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ. + Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cơ quan thẩm định trình hồ sơ					
4	3.000442	Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ	- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		x	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025. - Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</i></p> <p><i>+ Trong thời hạn 25 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.</i></p> <p><i>+ Trường hợp cần thiết lấy ý kiến văn bản có liên quan, thời gian lấy ý kiến: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời</i></p>	<p><i>phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ</i></p> <p><i>+ Trong thời hạn 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã tổ chức thẩm định, tổ chức kiểm tra thực địa (trường hợp cần thiết) và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định.</i></p> <p><i>+ Trường hợp cần thiết lấy ý kiến văn bản có liên quan, thời gian lấy ý kiến: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển.</p> <p>+ Trường hợp cần thiết thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>(1) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ</p>	<p>mà không nhận được văn bản trả lời, cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định việc giao khu vực biển.</p> <p>+ Trường hợp cần thiết thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày làm việc.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>(1) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>(2) Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá</p>	<p>và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</p> <p>(2) Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết</i></p>	<p><i>nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ. (3) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>(3) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; trường hợp không sửa đổi, bổ sung</p>	<p>sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ nhận được hồ sơ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển; trường hợp không sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<i>Quyết định giao khu vực biển thì có ngay văn bản thông báo và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân.</i>						
5	3.000443	Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.</i> - Thời hạn thẩm định hồ sơ + Thời gian thẩm định hồ sơ: không	- Thời hạn tiếp nhận hồ sơ: <i>Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thực hiện tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã và Cổng Dịch vụ công quốc gia.</i> - Thời hạn thẩm định hồ sơ + Thời gian thẩm định hồ sơ: không	- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã - Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Không quy định		x	- Nghị định số 11/2021/NĐ-CP ngày 10/02/2021. - Nghị định số 65/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025. - Nghị định số 44/2026/NĐ-CP ngày 26/01/2026.

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>quá 12 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định.</p> <p>+ Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định việc giao khu vực biển.</p> <p>+ Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày.</p>	<p>quá 06 ngày kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ theo đúng quy định.</p> <p>+ Trường hợp gửi văn bản lấy ý kiến của các cơ quan có liên quan: không quá 12 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến kèm theo đầy đủ hồ sơ theo quy định; trường hợp quá thời hạn nêu trên mà không nhận được văn bản trả lời, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã xem xét, quyết định việc giao khu vực biển.</p> <p>+ Trường hợp cần thiết, tổ chức kiểm tra thực địa, thời gian kiểm tra thực địa: không quá 03 ngày.</p> <p>+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>+ Thời gian lấy ý kiến và tổ chức kiểm tra thực địa không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>(1) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục</p>	<p>vào thời gian thẩm định hồ sơ.</p> <p>(1) Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển hoặc thuộc các trường hợp từ chối giao khu vực biển quy định tại Điều 5a Nghị định số 11/2021/NĐ-CP (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 65/2025/NĐ-CP và Nghị định số 44/2026/NĐ-CP), cơ quan thẩm định hồ sơ trả lại hồ sơ cho Bộ phận Một cửa kèm theo thông báo bằng văn bản trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>hành chính; cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</i></p> <p><i>(2) Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn</i></p>	<p><i>đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính.</i></p> <p><i>(2) Trường hợp hồ sơ còn chưa đủ thông tin để quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn bản nêu rõ lý do, nội dung, thông tin cần bổ sung, giải trình đến tổ chức, cá nhân. Tổ chức, cá nhân gửi văn bản cung cấp bổ sung thông tin, giải trình đến cơ quan thẩm định hồ sơ trong thời hạn không quá 10 ngày kể từ ngày cơ quan thẩm định hồ sơ gửi văn</i></p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p>bản (thời gian này không tính vào thời hạn giải quyết hồ sơ); sau 10 ngày, nếu tổ chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>(3) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung</p>	<p>chức, cá nhân không hoàn thành việc hoàn thiện hồ sơ, cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên Bộ phận Một cửa thực hiện đóng hồ sơ trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính. Thời hạn giải quyết được tính lại từ đầu sau khi nhận đủ hồ sơ.</p> <p>(3) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để được sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển, cơ quan thẩm định hồ sơ trình hồ sơ cho người có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển.</p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ + Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ</p>					

Stt	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết		Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Cung cấp DVCTT (x)		Căn cứ pháp lý
			Theo quy định	Sau cắt giảm			Toàn trình	Một phần	
			<p><i>Quyết định giao khu vực biển.</i></p> <p>- Thời hạn trình, giải quyết hồ sơ</p> <p>+ Thời hạn trình hồ sơ: không quá 01 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.</p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.</p>	<p><i>ngày hoàn thành việc thẩm định hồ sơ.</i></p> <p>+ Thời hạn xem xét, giải quyết hồ sơ: không quá 03 ngày làm việc.</p>					

**BIỂU PHÍ**  
**LĨNH VỰC BIỂN VÀ HẢI ĐẢO**

**1. Thông tư số 07/2024/TT-BTC ngày 05/02/2024 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp phí thẩm định cấp giấy phép hoặc văn bản chấp thuận cho tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành nghiên cứu khoa học trong vùng biển Việt Nam**

Số TT	Thẩm định cấp phép	Mức thu phí (nghìn đồng/lần thẩm định)			
		Cấp	Sửa đổi, bổ sung	Gia hạn	Cấp lại
1	Hoạt động nghiên cứu khoa học có phạm vi ngoài vùng nội thủy, lãnh hải Việt Nam và không sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển	4.000	3.700	2.200	1.300
2	Hoạt động nghiên cứu khoa học có phạm vi trong vùng nội thủy, lãnh hải Việt Nam và không sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển	5.300	4.000	3.400	2.200
3	Hoạt động nghiên cứu khoa học có sử dụng phương pháp khoan ở đáy biển, lòng đất dưới đáy biển	6.000	4.500	3.700	2.500

**2. Thông tư số 294/2016/TT-BTC ngày 15/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp miễn, quản lý và sử dụng phí khai thác và sử dụng dữ liệu tài nguyên, môi trường biển và hải đảo**

Số TT	Loại tài liệu	Đơn vị tính	Mức phí (đồng)
<b>I</b>	<b>Dữ liệu Tài nguyên đất, nước ven biển</b>		
1	Bản đồ chất lượng đất ven biển tỷ lệ 1/250.000	Mảnh	2.800.000
2	Bản đồ hiện trạng khai thác, sử dụng nước mặt tại các thủy vực vùng ven biển tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	1.500.000
3	Bản đồ tiềm năng nước dưới đất vùng ven biển và hải đảo tỷ lệ 1/200.000	Mảnh	2.000.000
4	Bản đồ tiềm năng nước dưới đất tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	670.000
5	Bản đồ tiềm năng nước dưới đất tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	550.000
6	Hồ sơ về dữ liệu tài nguyên đất, nước ven biển	Trang	2.000
<b>II</b>	<b>Dữ liệu Địa hình đáy biển</b>		
1	Bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	750.000
2	Bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	1.060.000
3	Hải đồ tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	2.300.000
4	Cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	950.000

5	Cơ sở dữ liệu bản đồ địa hình đáy biển tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	1.670.000
6	Cơ sở dữ liệu nền địa lý biển tỉ lệ 1/50.000	Mảnh	1.700.000
<b>III</b>	<b>Dữ liệu Khí tượng, thủy văn biển</b>		
1	Khí tượng hải văn ven bờ	Yếu tố đo /năm/trạm	
a)	Hướng và tốc độ gió		220.000
b)	Mực nước biển		220.000
c)	Nhiệt độ nước biển		220.000
d)	Độ mặn nước biển		220.000
đ)	Tầm nhìn ngang		220.000
e)	Sáng biển		220.000
g)	Mực nước giờ		220.000
h)	Mực nước đỉnh, chân triều		220.000
2	Khảo sát khí tượng thủy văn biển	Yếu tố đo /năm/trạm	
a)	Thông tin vị trí và thời gian đo		2.000.000
b)	Độ sâu của trạm đo		2.000.000
c)	Nhiệt độ nước biển tại các tầng sâu		2.000.000
d)	Độ mặn nước biển tại các tầng sâu		2.000.000
đ)	Lượng ôxy hòa tan tại các tầng sâu		2.000.000
e)	Độ pH tại các tầng sâu		2.000.000
g)	Độ đục nước biển		2.000.000
h)	Độ trong suốt nước biển		2.000.000
i)	Mẫu dầu tại trạm đo		2.000.000
k)	Mẫu nước để phân tích các yếu tố hóa học và kim loại nặng		2.000.000
3	Bản đồ khí tượng, thủy văn tỷ lệ từ 1/4.000.000 đến 1/250.000	Mảnh	2.000.000
4	Bản đồ khí tượng, thủy văn tỷ lệ từ 1/200.000 đến 1/10.000	Mảnh	1.500.000
<b>IV</b>	<b>Dữ liệu Địa chất khoáng sản biển</b>		
1	Bản đồ địa chất, khoáng sản biển ven bờ từ 0 đến 30m nước tỷ lệ 1/1.000.000	Mảnh	3.280.000
2	Bản đồ địa chất, khoáng sản biển ven bờ từ 0 đến 30m nước tỷ lệ 1/500.000	Mảnh	2.500.000
3	Bản đồ địa chất, khoáng sản biển ven bờ từ 0 đến 30m nước tỷ lệ 1/200.000	Mảnh	1.970.000
4	Bản đồ địa chất, khoáng sản biển ven bờ từ 0 đến 30m nước tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	1.310.000
5	Bản đồ địa chất, khoáng sản biển ven bờ từ 0 đến 30m nước tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	620.000
6	Bản đồ địa chất, khoáng sản biển ven bờ từ 0 đến 30m nước tỷ lệ: 1/25.000	Mảnh	500.000
7	Bản đồ địa chất, khoáng sản biển ven bờ từ 0 đến 30m nước tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	440.000
8	Bản đồ địa chất, khoáng sản đới ven biển từ 30-100m nước tỷ lệ 1/1.000.000	Mảnh	5.260.000

9	Bản đồ địa chất, khoáng sản đới ven biển từ 30-100m nước tỷ lệ 1/500.000	Mảnh	3.940.000
10	Bản đồ địa chất, khoáng sản đới ven biển từ 30-100m nước tỷ lệ 1/200.000	Mảnh	2.360.000
11	Bản đồ địa chất, khoáng sản đới ven biển từ 30-100m nước tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	1.570.000
12	Bản đồ địa chất, khoáng sản đới ven biển từ 30-100m nước tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	750.000
13	Bản đồ địa chất, khoáng sản đới ven biển từ 30-100m nước tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	600.000
14	Bản đồ địa chất, khoáng sản đới ven biển từ 30-100m nước tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	530.000
15	Tài liệu địa chất, khoáng sản, địa chất môi trường, địa chất thủy văn trên dải ven biển; các vùng biển và các đảo Việt Nam	Trang	2.500
16	Cơ sở dữ liệu bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1/1.000.000	Mảnh	4.900.000
17	Cơ sở dữ liệu bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1/500.000	Mảnh	3.750.000
18	Cơ sở dữ liệu bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1/200.000	Mảnh	3.000.000
19	Cơ sở dữ liệu bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1/100.000	Mảnh	2.000.000
20	Cơ sở dữ liệu bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	930.000
21	Cơ sở dữ liệu bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	750.000
22	Cơ sở dữ liệu bản đồ địa chất, khoáng sản tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	670.000
<b>V</b>	<b>Dữ liệu Hệ sinh thái, đa dạng sinh học và nguồn lợi hải sản</b>		
1	Bản đồ đa dạng sinh học và bảo tồn biển tỷ lệ 1/10.000	Mảnh	440.000
2	Bản đồ đa dạng sinh học và bảo tồn biển tỷ lệ 1/25.000	Mảnh	500.000
3	Bản đồ đa dạng sinh học và bảo tồn biển tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	620.000
4	Nhóm bản đồ nguồn lợi thủy hải sản tỷ lệ 1/1.000.000	Mảnh	5.250.000
5	Nhóm bản đồ hải dương học nghề cá tỷ lệ 1/1.000.000	Mảnh	5.250.000
6	Nhóm bản đồ môi trường nghề cá tỷ lệ 1/1.000.000	Mảnh	5.250.000
7	Tài liệu Hệ sinh thái, đa dạng sinh học và nguồn lợi hải sản	Trang	1.500
8	Cơ sở dữ liệu các bản đồ tỷ lệ 1/1.000.000	Mảnh	5.250.000
<b>VI</b>	<b>Dữ liệu Tài nguyên vị thế và Kỳ quan sinh thái biển</b>		
1	Hồ sơ đánh giá Tài nguyên vị thế	Trang	3.000
2	Hồ sơ đánh giá Kỳ quan sinh thái	Trang	3.000
3	Hồ sơ đánh giá Kỳ quan địa chất	Trang	3.000
4	Tập bản đồ chuyên đề Biên Đông khổ 60 x 60	Quyển	3.500.000
5	Bản đồ chuyên đề biển và hải đảo tỷ lệ 1/1.000.000	Mảnh	8.000.000
6	Bản đồ chuyên đề biển và hải đảo tỷ lệ 1/4.000.000	Mảnh	4.000.000
<b>VII</b>	<b>Dữ liệu Môi trường biển</b>		
1	Số liệu quan trắc môi trường biển	Yêu tố đo /năm/trạm	2.000.000
2	Bản đồ nhạy cảm môi trường tỷ lệ 1/50.000	Mảnh	750.000
3	Dữ liệu Hồ sơ đánh giá về môi trường	Trang	2.000
4	Cơ sở dữ liệu bản đồ nhạy cảm môi trường	Mảnh	1.100.000

<b>VIII</b>	<b>Dữ liệu Hải đảo</b>		
1	Bản đồ địa hình đảo tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	490.000
2	Bản đồ địa mạo, địa chất, khoáng sản đảo tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	350.000
3	Bản đồ tài nguyên đất, nước của đảo tỷ lệ 1/5.000	Mảnh	350.000
4	Hồ sơ, tài liệu về hải đảo	Trang	2.500
<b>IX</b>	<b>Dữ liệu quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển</b>		
1	Bản đồ quy hoạch sử dụng biển tỷ lệ 1/200.000	Mảnh	1.900.000
2	Hồ sơ về quy hoạch, kế hoạch sử dụng biển	Trang	2.500
3	Hồ sơ về giao khu vực biển	Trang	2.500
<b>X</b>	<b>Dữ liệu Viễn thám biển</b>		
1	Ảnh Spot 2,4, 5 năm mức 2A độ phân giải 10m	Cảnh	10.018.000
2	Ảnh Spot 5 năm mức 2A độ phân giải 2,5m	Cảnh	28.036.000
3	Ảnh Meris 2A độ phân giải 300m	Cảnh	5.391.000
4	Ảnh EnvisatAsar 2A độ phân giải 150m	Cảnh	8.041.000